

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PGS

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Tâm lý học; Chuyên ngành: Công tác xã hội

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN HIỆP THƯƠNG

2. Ngày tháng năm sinh: 02/02/1976 Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Dạ Trạch- Khoái Châu -Hưng Yên

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh: Xóm 5, thôn Yên Vĩnh, Dạ Trạch, Khoái Châu, Hưng Yên

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Khoa Công tác xã hội, Trường ĐHSPT Hà Nội, tầng 3 nhà D3, 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0984821975;

E-mail: thuongnh@hnue.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 1997 đến năm 2001, sinh viên khoa Tâm lý giáo dục - Trường ĐHSPT Hà Nội
- Từ năm 2001 đến năm 2003, học viên khoa Giáo dục Đặc biệt (Lớp cử nhân chuyên tu Giáo dục Đặc biệt do Ủy ban II Hà Lan phối hợp cùng trường ĐHSPT tổ chức)
- Từ năm 2004 đến năm 2005 trợ giảng khoa Giáo dục đặc biệt - Trường ĐHSPT Hà Nội
- Từ năm 2005 đến năm 2006 học thạc sỹ Giáo dục đặc biệt tại Ấn Độ

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Từ năm 2007 đến năm 2011, Trưởng bộ môn CTXH với trẻ em, khoa Giáo dục Đặc biệt - Trường ĐHSP Hà Nội

- Từ năm 2011 đến năm 2015, Phó trưởng khoa CTXH - Trường ĐHSP Hà Nội

- Từ năm 2015 đến nay: Trưởng khoa CTXH - Trường ĐHSP Hà Nội.

- Chức vụ hiện nay: Trưởng khoa CTXH - Trường ĐHSP Hà Nội; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa.

- Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Công tác Xã hội – Trường ĐHSP Hà Nội

- Địa chỉ cơ quan: Tầng 3 nhà D3, 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy Hà Nội

- Điện thoại cơ quan: 02432191073

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 07 năm 2001, ngành: Tâm lý – Giáo dục, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): ĐHSP Hà Nội

- Được cấp bằng ThS ngày 02 tháng 09 năm 2006, ngành: Giáo dục Đặc biệt chuyên ngành: Khiếm Thị

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Ấn Độ

- Được cấp bằng TS ngày 23 tháng 01 năm 2017, ngành: Tâm lý học, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Học viện khoa học xã hội - Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS cơ sở: Trường ĐHSP Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Tâm lý học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hỗ trợ người khuyết tật, trẻ khuyết tật; Công tác xã hội với người khuyết tật;

- Công tác xã hội với trẻ em và gia đình; Công tác xã hội trường học

- Công tác xã hội trong lĩnh vực người cao tuổi và bệnh viện.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 05 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 03 (cấp cơ sở 01, cấp bộ 02)
- Đã công bố 21 bài báo KH, trong đó 02 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Số lượng sách đã xuất bản 11 quyển, trong đó 10 quyển thuộc nhà xuất bản có uy tín;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

15.1. Danh hiệu thi đua

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2011-2012	Chiến sĩ thi đua Cơ sở	Quyết định số: 2692 QĐ-ĐHSP Hà Nội, ngày 30/07/2012. Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội
2012-2013	Chiến sĩ thi đua Cơ sở	Quyết định số: 3489 QĐ-ĐHSP Hà Nội, ngày 11/07/2013. Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội
2013-2014	Chiến sĩ thi đua Cơ sở	Quyết định số: 4062 QĐ-ĐHSP Hà Nội, ngày 25/07/2014. Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội
2015-2016	Chiến sĩ thi đua Cơ sở	Quyết định số: 3978 QĐ-ĐHSP Hà Nội, ngày 07/07/2016. Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội
2016-2017	Chiến sĩ thi đua Cơ sở	Quyết định số: 5906 QĐ-ĐHSP Hà Nội, ngày 21/07/2017. Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội
2017 - 2018	Chiến sĩ thi đua cấp Bộ	Quyết định số: 1108 QĐ-Bộ GDĐT, ngày 23/03/2018. Bộ Trưởng Bộ GD&ĐT
2018-2019	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	

15.2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2011	Giấy khen	Quyết định số: 1928/ TĐ-KT, ngày 21/06/2011. Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội
2011	Giấy khen	Quyết định số: 204- QĐ-ĐU, ngày 25/01/2011. Bí Thư Đảng ủy Trường ĐHSP Hà Nội

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

2013	Giấy khen	QĐ số: 417-QĐ/ĐU ngày 03/01/2014 của Ban Chấp Hành Đảng Bộ Trường ĐHSP Hà Nội.
2013	Bằng khen	QĐ số: 6108/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
2015	Giấy khen	QĐ số: 62 –QĐ/ĐU ngày 14 / 1 /201 6 của Ban Chấp Hành Đảng Bộ Trường ĐHSP Hà Nội.
2016	Giấy khen	QĐ số: 249 –QĐ/ĐU ngày 30 / 12 /2016 của Ban Chấp Hành Đảng Bộ Trường ĐHSP Hà Nội.
2016	Bằng khen	QĐ số: 1469 /QĐ-BGDĐT ngày 09 /05/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
2017	Bằng Khen	QĐ số 242/QĐ-LĐTBXH ngày 23/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội
2018	Giấy khen	QĐ số: 01– QĐ/ĐU ngày 05 / 01 /2017 của Ban Chấp Hành Đảng Bộ Trường ĐHSP Hà Nội.
2019	Giấy khen	QĐ số: 18 –QĐ/ĐU ngày 25 / 02 /2019 của Ban Chấp Hành Đảng Bộ Trường ĐHSP Hà Nội.
2019	Giấy khen	Ban chấp hành Đảng Bộ khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội, QĐ số: 3688-QĐ/ĐUK ngày 22/11/2019
2020	Giấy khen	QĐ số: 188–QĐ/ĐU ngày 21/02/2020 của Ban Chấp Hành Đảng Bộ Trường ĐHSP Hà Nội

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

Nghiên cứu tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo được quy định trong Luật Giáo dục, Thông tư số 47/2014/TT-BGD-ĐT tôi thấy bản thân đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo Việt Nam. Cụ thể như sau:

Về tiêu chuẩn nhà giáo:

a) Có tư cách đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, luôn giữ quan hệ đúng mực với đồng nghiệp, học viên và sinh viên, thường xuyên trao dồi tư cách đạo đức của người giảng viên, tận tâm với công việc nghiên cứu, giảng dạy và tận tình với sinh viên, học viên, trung thực trong quá trình nghiên cứu khoa học. Qua nhiều năm công tác, tôi không bị bất cứ hình thức kỷ luật nào.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

b) Tôi đã được đào tạo đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực Tâm lý học và chuyên sâu công tác xã hội - Một lĩnh vực đào tạo tuy còn mới nhưng rất quan trọng và cần thiết đối với xã hội hiện nay. Tôi đã tham dự các khóa đào tạo chuyên sâu lấy chứng nhận sau đại học về công tác xã hội do giảng viên đến từ Đại học Sanjose State – Hoa Kỳ giảng dạy, tham dự nhiều khóa đào tạo tập huấn giảng viên nguồn về công tác xã hội, được trang bị các kỹ năng nghiên cứu khoa học, tập huấn, đào tạo chuyên môn; Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm tốt, chịu được áp lực cao trong công việc;

c) Về sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp: Tôi có sức khỏe tốt đáp ứng yêu cầu của một giảng viên;

d) Bản thân có lý lịch rõ ràng.

Về nhiệm vụ: Tự đánh giá về bản thân, trong nhiều năm qua, tôi đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của một nhà giáo Việt Nam, cụ thể:

+ Giảng dạy theo mục tiêu, quan điểm, chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;

+ Gương mẫu chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy chế của Trường; Thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của công dân ở cơ quan công tác và nơi sinh sống;

+ Luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín của một nhà giáo; đối xử công bằng với các học viên, sinh viên; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của học viên, sinh viên; Không ngừng phấn đấu, rèn luyện, học tập nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất để phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và làm gương cho học viên, sinh viên;

+ Hoàn thành tốt các nhiệm vụ mà cơ sở đào tạo giao phó như công tác quản lý, giảng dạy, nghiên cứu; tham gia biên soạn sách, giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo đại học và sau đại học; tham gia các hội đồng khoa học, hội đồng đánh giá luận văn thạc sỹ tại các cơ sở đào tạo Công tác xã hội; tham gia hội đồng nghiệm thu các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở và cấp bộ tại các cơ sở đào tạo và Bộ; đã tham gia nghiên cứu đề tài khoa học cấp Bộ, cấp cơ sở.

+ Có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ và hợp tác với các đồng nghiệp trong quá trình nghiên cứu, giảng dạy và các công tác khác.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 16 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2014-2015				02 (30h)	450		450/86/224

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

2	2015-2016				02	495		495/117/202.5
3	2016-2017				02	495		495/117/202.5
3 năm học cuối								
4	2017-2018				02	1302	60	1042/117/202.5
5	2018-2019			03	02	882	60	942/260/202.5
6	2019-2020			03	01	1059	60	1119/235/202.5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ: Tiếng Anh

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS ; tại nước: Ấn Độ, năm: 2006

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BS NT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/BS NT	Chính	Phụ			
1	Trần Thị Nga		X	X		12/2017- 11/2018	Trường ĐHLĐXH	2019
2	Nguyễn Thị Kim Nga		X	X		02/2018- 08/2018	Học viện khoa học xã hội	2019
3	Nguyễn Thị Huyền Hà		X	X		2018- 06/2019	ĐHSP Hà Nội	2019
4	Nguyễn Thị Hóa		X	X		2018-	ĐHSP Hà Nội	2019

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

						06/2019		
5	Nguyễn Thị Ý Nhi		X	X		2018- 06/2019	ĐHSP Hà Nội	2029

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Số tác giả	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Chủ biên	Phản biên soạn	Xác nhận của CS GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sách trước khi bảo vệ học vị Tiến sĩ							
1	Lý tưởng cuộc đời	TK	02	NXB Thanh Niên, GPXB số: 253-2008/CXB/398-08/TN; Nộp lưu chiểu quý III/2009		Biên soạn từ trang 54	
2	Tâm lý học xã hội	GT	04	NXB ĐHSP Hà Nội; KHXB số:994-2011/CXB/1-33/ĐHSP ngày 6/9/2011; nộp lưu chiểu tháng 1/2012.		Biên soạn Chương 4,5	
3	Tài liệu quản lý trường hợp với người sử dụng ma túy	HD	06	NXB Lao động - Xã hội, số ĐKXB:1665-2013/CXB/03-275/LĐXH Số GPXB:713/QĐ-NXBLĐXH Mã số sách quốc tế ISBN:978-604-65-0890-8 Quý 4/2013			

4	Tài liệu hướng dẫn thực hành CTXH với nạn nhân mua bán người	HD	04	NXB Hồng Đức, ĐKXB số 638-2013/CXB/03-23/HĐ; In và nộp lưu chiểu quý IV/2013	CB		
5	Công tác xã hội với trẻ em và gia đình	GT		NXB Lao động - Xã hội, ĐKXB số 2044 - 2013/CBX/19-333/LĐXH In xong và nộp lưu chiểu quý I/2014	ĐCB		
6	Công tác xã hội với người khuyết tật	CK		NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội; Số xuất bản: 481-2014/CXB/01-145/ĐHQGHN, ngày 29/4/2014; QĐXB số 06 KH-XH/QĐ-NXB ĐHQGHN In và nộp lưu chiểu quý II/2014		Biên soạn Chương 1,2,3 từ trang 23-84	
Sách xuất bản sau khi bảo vệ học vị Tiến sĩ							
7	Công tác xã hội trợ giúp trẻ em nghiện Internet	GT	05	NXB Giáo dục, Số ĐKXB: 1338-2019/CXBIPH/9-507/GD Số QĐXB:3795/QĐ-GD-HN ngày 24/7/2019 In và nộp lưu chiểu tháng 8/2019 Mã số ISBN: 978-604-0-17574-8	CB		
8	Đại cương Công tác xã hội trường học	GT	05	NXB Giáo dục,	CB		

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

				Số ĐKXB:2132-2020/CXBIPH/6-1081/GD Số QĐXB:2099/QĐ-GD-HN ngày 26/06/2020			
9	Công tác xã hội với trẻ em	CK		NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, ĐKXB: 1691-2020/CXBIPH/05-139/ĐHQGHN ngày 19/05/2020 QĐXB số: 693 LK-XH/QĐ-NXB ĐHQGHN ngày 09/06/2020	CB		
10	Kĩ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỉ	CK		NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2020	CB		
11	Kĩ năng phòng chống bạo lực học đường (Dành cho học sinh tiểu học)	HD	06	NXB Giáo dục Mã số: C1G07H0 Số đăng kí KHXB: 52-2020/CXBIPH/15-02/GD. Số QĐXB: 308/QĐ – GD-HN ngày 14/02/2020. Mã ISBN: 978-604-0-19981-2	CB		

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 02 sách chuyên khảo là Kỹ năng tham vấn cho cha mẹ trẻ tự kỷ của nhân viên CTXH và CTXH với trẻ em do NXB ĐHQG Hà Nội xuất bản.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
	Trước khi bảo vệ luận án TS				
1	Xây dựng tài liệu cho phụ huynh và nhân viên xã hội hướng dẫn trẻ	CN	SPHN-08-239	2008-2009	2009

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

	em phòng tránh xâm hại thể chất và tình dục				
2	Các yếu tố ảnh hưởng và biện pháp can thiệp công tác xã hội nhằm giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở	TK	B2013-17-32	2013-2015	2015
	Sau khi bảo vệ luận án TS				
3	Công tác xã hội nhóm trong phòng ngừa và trợ giúp trẻ em bị xâm hại tình dục	CN	B2018 - SPH - 56	2018-2020	2020
...					

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập/ số Trang	Năm công bố
Bài báo khoa học trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Curriculum for teacher preparation courses, EA029	1	X	Report at the 12 th ICEVI World conference, Kuala Lumpur-Malaysia,				16-21/July/2006
2	Xây dựng cơ sở thực hành: Nhu cầu thiết yếu đối với vấn đề đào tạo nghề công tác xã hội hiện nay	1	X	Tạp chí Lao động Xã hội, ISSN 0866-7643,			Số 408 Trang 45	Từ 01-15/6/2011
3	Sự cần thiết phát triển dịch vụ tham vấn gia đình tại Việt Nam..	1	X	Hội thảo khoa học quốc tế “Enhancing professionalization of social work for development and intergration - Nâng cao tính chuyên nghiệp CTXH vì phát triển và hội nhập”			Trang 524-531	2013

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

				<p>NXB ĐHSP Hà Nội.</p> <p>QĐXB số: 1213/QĐ-ĐHSP</p> <p>ISBN,978604540353-2</p>				
4	<p>Dịch vụ tham vấn cho gia đình người khuyết tật – một nhu cầu cấp thiết hiện nay.</p>	1	X	<p>Hội thảo khoa học quốc tế</p> <p>“Reality and integration of social work development in Vietnam-Thực tiễn và hội nhập trong phát triển CTXH ở Việt Nam”</p> <p>NXB Thanh niên. Số ĐKKHXB: 2228-2014/CXB/09-77TN</p> <p>ISBN,978-604-64-1560-2</p>			Trang 165-174	2014
5	<p>Thực trạng vấn đề trường học và nhu cầu phát triển đội ngũ nhân viên CTXH trong trường học</p>	4	X	<p>Hội thảo khoa học quốc tế “ School Social work – World perspective and developmental strategy for Vietnam” -Công tác xã hội trường học kinh nghiệm quốc tế và định hướng phát triển ở Việt Nam;</p> <p>ĐKXB: 458-2015/CXBIPH/65-52/ĐHSP</p> <p>QĐXB số: 697/QĐ-NXBĐHSP ngày 06/11/2015.</p>			Tr.84-91	2015

Bài báo khoa học sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
10	Công tác xã hội trường học: Kinh nghiệm quốc tế và một số khuyến nghị	2	X	Hội thảo quốc tế “ Proceedings of international workshop on toward advancement of social work profession in Vietnam: Role of Policy – Education – Practice - Định hướng phát triển nghề công tác xã hội ở Việt Nam: Vai trò của pháp luật – đào tạo – thực tiễn NXB Đại học Huế, QĐ XB số: 28/QĐ/ĐH-NXB 22/03/2018. ISBN978-604-912-913-1			Trang 67-78	2018
11	The need and recommendation for developing school social work in Vietnam (Reporter)	2	X	The 7 th international school social work conference - Hội thảo công tác xã hội trường học quốc tế lần thứ 7 (ISSWC)	Beijing – China		PP: 638-647	2018
12	Factors Associated with Child sexual abuse in Vietnam: A Qualitative Study	4	X	American Journal of Educational research Available online at http://pubs.sciepub.com/education/7/8/2 Published by Science and Education Publishing	DOI:10.12691/education-7-8-2		7(8) PP: 537-541	2019

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

13	Aggressive behaviour of secondary students – Measuring the relative impact of teacher’s responses, peer relationship and structured school interventions	3	X	<p>Proceedings of the 1st international Conference on innovation in learning instruction and teacher Education – ILITE 1</p> <p>Competency – Based learning and teacher Education</p> <p>NXB ĐHSP Hà Nội. QĐ số: 1275/QĐ-NXB ĐHSP ngày 28/11/2019 ISBN 978-604-54-5848-8</p>			PP: 708-717	2019
14	A Qualitative study to explore understanding and perception of sexual Harassment among teacher and students in school.	2	X	<p>Proceedings of the 1st international Conference on innovation in learning instruction and teacher Education – ILITE 1</p> <p>Competency – Based learning and teacher Education</p> <p>NXB ĐHSP Hà Nội. QĐ số: 1275/QĐ-NXB ĐHSP ngày 28/11/2019 ISBN 978-604-54-5848-8</p>			PP: 748-754	2019
15	School social work in post disaster areas: experience from the hope School project in China.	2	X	<p>HNUE Journal of science ISSN 2354 – 1067 DOI:10.18173/2354-1067.2019-0077 Online at:http://stdb.hnue.edu.vn</p>			Volume 63, Issue 11 PP: 165-174	2019

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

16	Các hướng nghiên cứu của khoa học tâm lý về cảm xúc âm tính và cách ứng phó với cảm xúc âm tính của người nhà bệnh nhân ung thư	8	X	Tạp chí Tâm lý học xã hội ISSN 0866-8019			Số 12 Trang 81 - 92	2019
17	Cách ứng phó với cảm xúc âm tính của người nhà bệnh nhân ung thư – nghiên cứu lát cắt ngang tại thành phố Hà Nội	8	X	Tạp chí Tâm lý học xã hội ISSN 0866-8019			Số 01 Trang 16-27	2020
18	Prioritizing the level of negative emotional coping strategies of cancer patient's family member by using extended hierarchical analysis method	8	X	Growing science Journal (Decision Science letters) DOI:10.5267/J.DS L.2020.2.03	ISSN 1929-5804 Scopus (CiteScore 1.60 (Q2)) Scimago (Q3)			2020
19	Improve Capacity for child protection officers on prevention and support of sexually abused children: Evidence in Vietnam	2	X	International Journal of Management (IJM) Available online at: http://www.iaeme.com/ijm/issue.asp?Jtype=IJM&VType=11&IType=5 DOI:10.34218/IJM.11.5.2020.111	ISSN Print: 0976-6502 and ISSN online: 0976-6510 IAEME Publication Scopus Indexed Journal Impact Factor(2020): 10.1471 (Calculated by GISI) www.jifactor.com		Volumn 11, Issue 5 Pp:1232-1238	May,2020
...								

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: **02**

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
...				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: **Công tác xã hội với người khuyết tật** - NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội; Số xuất bản: 481-2014/CXB/01-145/ĐHQGHN, ngày 29/4/2014; QĐXB số 06 KH-XH/QĐ-NXB ĐHQGHN, in và nộp lưu chiểu quý II/2014.

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

NGUYỄN HIỆP THƯỜNG